

Số: 1748 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch
tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, số 35/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch

a) Tên quy hoạch: Quy hoạch tài nguyên nước.

b) Thời kỳ quy hoạch: thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Phạm vi của Quy hoạch:

Phạm vi của quy hoạch bao gồm toàn bộ phạm vi các lưu vực sông thuộc phần diện tích đất liền và một số đảo trên lãnh thổ Việt Nam.

d) Đối tượng của quy hoạch bao gồm: nước mặt, nước dưới đất.

2. Yêu cầu về quan điểm, nguyên tắc và mục tiêu lập quy hoạch

a) Yêu cầu về quan điểm lập quy hoạch tài nguyên nước

- Cụ thể hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về tài nguyên nước và pháp luật khác có liên quan.

- Tài nguyên nước cần được phát triển bền vững, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, tổng hợp và đa mục tiêu. Quy hoạch tài nguyên nước theo phương thức tổng hợp, thống nhất trên toàn quốc và vùng kinh tế, theo lưu vực sông và có sự điều hòa, phân phối phù hợp giữa các lưu vực sông.

- Quy hoạch tài nguyên nước phải bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia, ưu tiên đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt, ổn định an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo; đảm bảo phát triển bền vững, mang tính chiến lược.

b) Yêu cầu về nguyên tắc lập quy hoạch tài nguyên nước

- Quy hoạch tài nguyên nước phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam, chủ trương, đường lối, chính sách, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, định hướng, chiến lược phát triển ngành tài nguyên môi trường, chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai.

- Bảo đảm tính liên kết tổng thể trên phạm vi từng vùng, từng lưu vực sông, nhóm lưu vực sông; đảm bảo tính đồng bộ về phạm vi, thời kỳ quy hoạch, thứ tự ưu tiên và khả năng đáp ứng nguồn lực theo các giai đoạn.

- Bảo đảm tính toàn diện, gắn kết giữa nước mặt và nước dưới đất, giữa khai thác, sử dụng với bảo vệ tài nguyên nước gắn với phòng chống tác hại do nước gây ra; đảm bảo tính liên kết, thống nhất, hài hòa lợi ích sử dụng nước giữa thượng lưu và hạ lưu, giữa các đối tượng sử dụng nước; bảo đảm quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông; thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Bảo đảm tính khả thi, phù hợp với nền tảng kỹ thuật và nguồn lực hiện có đồng thời phải có tính linh hoạt, đáp ứng phương thức quản lý, đầu tư, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ trong quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và phòng, chống tác hại do nước gây ra.

- Bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia trên cơ sở khai thác, sử dụng, bảo vệ có hiệu quả nguồn nước nội địa, đồng thời có phương án chủ động để xử lý các vấn đề liên quan đến nguồn nước quốc gia trên nguyên tắc bảo đảm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia và hợp tác quốc tế.

- Bảo đảm tính kế thừa, khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống hạ tầng kỹ thuật tài nguyên nước hiện có.

c) Yêu cầu về mục tiêu lập quy hoạch tài nguyên nước

- Về mục tiêu tổng quát và tầm nhìn, phải xác định được các mục tiêu cơ bản, có tính chất chủ đạo, xuyên suốt trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước (điều hòa, phân bổ tài nguyên nước), bảo vệ tài nguyên nước và phòng, chống các tác hại do nước gây ra thời kỳ 2021- 2030, đồng thời phải xác định được tầm nhìn đến năm 2050 đối với tài nguyên nước của quốc gia.

- Về mục tiêu cụ thể, trên cơ sở các mục tiêu tổng quát nêu trên, xác định các mục tiêu, định hướng cơ bản về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, bảo vệ tài nguyên nước và phòng, chống các tác hại do nước gây ra thời kỳ 2021 - 2030 đối với nguồn nước mặt, nước dưới đất theo vùng kinh tế, theo lưu vực sông, nhóm các lưu vực sông (bao gồm: Bằng Giang - Kỳ Cùng, Hồng - Thái Bình, sông Mã, sông Cả, sông Hương, sông Vu Gia - Thu Bồn, Trà Khúc, Kone - Hà Thanh, sông Ba, Sê San, Srê Pôk, sông Đồng Nai, sông Cửu Long và nhóm các lưu vực sông nhỏ khác còn lại) và một số đảo chính.

3. Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch

a) Yêu cầu về nội dung lập quy hoạch

Nội dung nghiên cứu thực hiện theo đúng quy định tại Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 và Nghị định số 37/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch. Việc lập quy hoạch tài nguyên nước phải đáp ứng các nội dung cơ bản sau đây:

- Thu thập, tổng hợp, xử lý thông tin, dữ liệu phục vụ lập quy hoạch
- + Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu phục vụ lập quy hoạch.
- + Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung phục vụ lập quy hoạch.
- + Tổng hợp xử lý các thông tin, tài liệu, dữ liệu phục vụ lập quy hoạch.
- + Lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu tổng hợp và theo từng đầu mục nội dung.

- Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều tra, khảo sát, thăm dò, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước:

- + Đánh giá tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường.
- + Đánh giá tổng quan về các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước.
- + Đánh giá tổng quan hiện trạng tài nguyên nước; hiện trạng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

- Đánh giá tổng quan tác động của việc khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước đến kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái theo phạm vi quy hoạch.

+ Tác động của việc khai thác sử dụng tài nguyên nước đến phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường.

+ Các mâu thuẫn, cạnh tranh trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

+ Đánh giá sơ bộ các khu vực bị xâm nhập mặn, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước dưới đất.

- Phân tích, đánh giá tổng quan tác động của các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và các quy hoạch liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo phạm vi quy hoạch.

+ Phân tích, đánh giá tổng quan tác động của các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và các quy hoạch liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

+ Phân tích, đánh giá tổng quan biến động tài nguyên nước và nhu cầu khai thác, sử dụng nước phục vụ đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội.

+ Tính toán cân bằng nước cho thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn năm 2050 của quy hoạch.

- Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; tác động của rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đến nguồn tài nguyên nước trong thời kỳ quy hoạch.

+ Phân tích, đánh giá tổng quan thực trạng đầu tư, khoa học và công nghệ, lao động và các nguồn lực phát triển khác trong lĩnh vực khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước.

+ Dự báo xu thế biến động tài nguyên nước, gồm xu thế biến động về trữ lượng nước mặt, nước dưới đất; xu thế biến động về chất lượng nước.

+ Dự báo nhu cầu khai thác, sử dụng nước; đánh giá mức độ khai thác và khả năng đáp ứng của tài nguyên nước cho phát triển kinh tế - xã hội.

+ Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Dự báo tác động của rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đến nguồn tài nguyên nước trong thời kỳ quy hoạch.

- Xác định quan điểm, mục tiêu quản lý, điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

+ Xác định quan điểm quản lý, điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

+ Xác định mục tiêu, nhiệm vụ quản lý, điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

- Định hướng xác định khu vực hạn chế, khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (nếu có).

+ Định hướng xác định khu vực hạn chế khai thác tài nguyên nước, đề xuất các điều kiện cho phép khai thác và giải pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên nước.

+ Định hướng khoanh vùng các khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xác định quy mô, công suất khai thác, yêu cầu về công nghệ khai thác và giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Định hướng điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; xác định yêu cầu chuyển nước giữa các lưu vực sông; xác định các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nguồn nước quy mô lớn; xác định thứ tự ưu tiên lập quy hoạch đối với các lưu vực sông, nguồn nước.

+ Định hướng điều hòa nước giữa các lưu vực sông; xác định vị trí, dự kiến diện tích xây dựng các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nguồn nước quy mô lớn.

+ Định hướng phòng ngừa suy thoái, cạn kiệt và phục hồi nguồn nước dưới đất; bảo vệ chất lượng nước; bảo vệ nguồn thủy sinh.

+ Định hướng phòng chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

+ Định hướng quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Xác định thứ tự ưu tiên lập quy hoạch đối với các lưu vực sông, nguồn nước.

- Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch:

+ Giải pháp về pháp luật, chính sách.

+ Giải pháp về tài chính đầu tư.

+ Giải pháp về khoa học và công nghệ.

+ Giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức.

+ Giải pháp về đào tạo, tăng cường năng lực.

+ Giải pháp về hợp tác quốc tế.

+ Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

- Biên tập bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch:

+ Nghiên cứu, xử lý, tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo chuyên ngành, tỷ lệ 1:100.000 đến 1:1.000.000.

+ Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia.

+ Biên tập bản đồ tổng hợp hiện trạng tài nguyên nước quốc gia (bản đồ hiện trạng tài nguyên nước dưới đất, bản đồ hiện trạng tài nguyên nước mặt) tỷ lệ 1:100.000 đến 1:1.000.000.

+ Biên tập bản đồ định hướng phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước tỷ lệ 1:100.000 đến 1:1.000.000.

- Đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch gồm: quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường được lựa chọn; đánh giá sự phù hợp của quy hoạch

với quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường; đánh giá, so sánh các phương án phát triển đề xuất; những vấn đề môi trường chính; dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện quy hoạch; nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy và các vấn đề còn chưa chắc chắn của các dự báo; thực hiện tham vấn về các nội dung đánh giá môi trường chiến lược; giải pháp duy trì xu hướng tích cực, phòng ngừa, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính trong quá trình thực hiện quy hoạch; xây dựng chương trình quản lý, giám sát môi trường của quy hoạch.

- Xây dựng báo cáo quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn năm 2050 gồm: báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt quy hoạch.

- Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch: xử lý, tích hợp đánh giá môi trường chiến lược về các định hướng quy hoạch; xử lý, tích hợp các giải pháp về đánh giá môi trường và các kiến nghị với quy hoạch.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch:

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

+ Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

- Hội thảo, lấy ý kiến của các cơ quan quản lý, chuyên gia về các nội dung của quy hoạch.

- Xây dựng hồ sơ quy hoạch trình thẩm định.

- Hoàn thiện hồ sơ quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Yêu cầu về các phương pháp lập quy hoạch

Các phương pháp cơ bản sau sẽ được sử dụng trong quá trình lập quy hoạch, gồm:

- Phương pháp khảo sát, thu thập thông tin, thống kê, xử lý thông tin.

- Phương pháp điều tra cơ bản tổng hợp.

- Phương pháp sử dụng mô hình toán.

- Phương pháp kế thừa.

- Phương pháp cân bằng nước.

- Phương pháp phân tích hệ thống.

- Phương pháp dự báo.

- Phương pháp chuyên gia.

- Phương pháp phân tích nguyên nhân và kết quả.

- Phương pháp hội thảo.

- Phương pháp so sánh, tổng hợp.

4. Thời hạn lập quy hoạch

Thời hạn lập quy hoạch không quá 24 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt.

5. Thành phần, số lượng và tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch

a) Thành phần hồ sơ quy hoạch

- Tờ trình và Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước.
- Báo cáo quy hoạch: Báo cáo thuyết minh tổng hợp; Báo cáo tóm tắt.
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.
- Bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, ngành, địa phương về quy hoạch và các các ý kiến góp ý kèm theo.
- Báo cáo thẩm định của cơ quan thẩm định quy hoạch.
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.
- Bản đồ tỷ lệ từ 1:100.000 đến 1:1.000.000: Bản đồ tổng hợp hiện trạng tài nguyên nước quốc gia (bản đồ hiện trạng tài nguyên nước dưới đất, bản đồ hiện trạng tài nguyên nước mặt); Bản đồ định hướng phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước.

b) Số lượng: 05 bộ bản in và đĩa CD lưu toàn bộ nội dung quy hoạch.

c) Tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ:

- Phần hồ sơ văn bản: Báo cáo thuyết minh tổng hợp; Báo cáo tóm tắt; Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; Các báo cáo thuyết minh chuyên đề được in màu, thể hiện trên giấy khổ A4.
- Các bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch được in màu, tỷ lệ bản đồ được thực hiện theo quy định từ 1:100.000 đến 1:1.000.000.

6. Kinh phí thực hiện lập quy hoạch

a) Chi phí lập Quy hoạch tài nguyên nước sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công của Bộ Tài nguyên và Môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch và các quy định khác có liên quan.

b) Căn cứ nhiệm vụ lập quy hoạch tài nguyên nước, định mức cho hoạt động quy hoạch, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập dự toán, thẩm định và quyết định cụ thể chi phí lập Quy hoạch theo đúng hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về định mức cho hoạt động quy hoạch, quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Phê duyệt chi tiết nội dung, dự toán của dự án lập quy hoạch tài nguyên nước và lựa chọn đơn vị lập quy hoạch theo đúng quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện lập quy hoạch theo Nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả.

2. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường lập quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định hiện hành bảo đảm đúng tiến độ và hiệu quả.

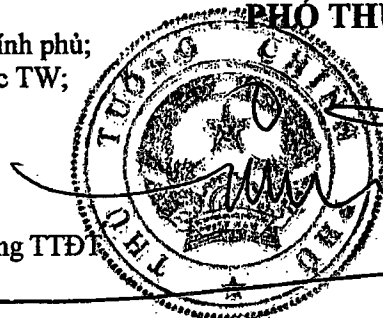
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐ và các Vụ: TH, KTTH, KGVX, CN, QHĐP, PL;
- Lưu: VT, NN (3) Tuynh. 18

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng